

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành,  
huyện Thường Xuân (diện tích mỏ 4,4 ha)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của  
Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số  
158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết  
thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày  
16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật đấu giá tài sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7  
năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền  
khai thác khoáng sản; Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2023  
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại quy định chi tiết một số điều và  
biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-  
2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2020  
của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước  
đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu  
khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng  
9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài  
chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26  
tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng  
sản; Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ  
Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài  
nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau; Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12  
tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ  
đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 48/2017/TT-  
BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài*

chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hoá giống nhau; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 2861/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về việc thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân đối với Công ty cổ phần Tân Thường Xuân; Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về việc đóng cửa mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân đối với Công ty cổ phần Tân Thường Xuân; Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các mỏ khoáng sản đưa ra khỏi khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1707/TTr-STNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Công văn số 1049/STNMT-TNKS ngày 30 tháng 01 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân; gồm các nội dung chính như sau:

1. Thông tin về mỏ đấu giá:

1.1. Vị trí, ranh giới mỏ:

a) Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân nằm cách trung tâm huyện Thường Xuân khoảng 19 km về phía Nam, được giới hạn bởi các điểm góc như sau:

| Điểm góc | TOẠ ĐỘ VN 2000<br>(Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> ) |            |
|----------|--|------------|
|          | X(m)   | Y(m)       |
| 1        | 2182 754,00  | 540 228,00 |
| 2        | 2182 664,00  | 540 184,00 |
| 3        | 2182 570,00  | 540 129,00 |
| 4        | 2182 590,00  | 539 970,00 |
| 5        | 2182 631,00  | 539 895,00 |
| 6        | 2182 738,00  | 539 955,00 |
| 7        | 2182 811,00  | 540 209,00 |
| 8        | 2182 761,00  | 540 063,00 |
| 9        | 2182 735,00  | 540 054,40 |
| 10       | 2182 699,00  | 540 034,40 |
| 11       | 2182 655,00  | 540 050,00 |
| 12       | 2182 648,00  | 540 071,00 |
| 13       | 2182 745,00  | 540 105,00 |
| 14       | 2182 774,40  | 540 104,40 |

b) Diện tích mỏ: 4,4 ha.

c) Tài nguyên dự báo: 2.595.627 m<sup>3</sup> đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

d) Khu vực mỏ chưa được thăm dò khoáng sản.

1.2. Nguồn gốc, hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất khu mỏ đấu giá:

a) Nguồn gốc đất có một phần diện tích là đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (diện tích 1,664 ha), một phần lại là đất trồng rừng sản xuất đã giao cho các hộ gia đình quản lý, sử dụng; phần còn lại là đất núi đá không có cây do UBND xã Tân Thành quản lý. Hiện trạng khu vực không có hoạt động khai thác, một phần là đất trống, một phần đang trồng luồng, keo, lát, một phần là cây leo, cây bụi.

b) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm giải phóng mặt bằng khu vực mỏ và hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật; trong trường hợp không thực hiện được việc thỏa thuận bồi thường giải phóng mặt bằng, không hoàn thiện được hồ sơ thuê đất theo quy định thì bị hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá và không được nhận lại tiền đặt cọc.

1.3. Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Thường Xuân được UBND tỉnh phê duyệt

tại Quyết định số 2766/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023, khu vực đưa vào kế hoạch đấu giá được quy hoạch là đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; nằm trong danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2023.

1.4. Dự toán đề án thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là: 1.667.939.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

2. Nguyên tắc đấu giá:

2.1. Việc đấu giá phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2.2. Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

2.3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên.

2.4. Cuộc đấu giá phải do đấu giá viên điều hành.

3. Giá khởi điểm, bước giá:

3.1. Giá khởi điểm để xác định tiền đặt trước (làm tròn) là: 7.236.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

3.2. Giá khởi điểm để đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):  $R = 3\%$ .

3.3. Bước giá để đấu giá là: 0,05%.

4. Tiền đặt trước, xử lý tiền đặt trước:

4.1. Tiền đặt trước:

a) Tiền đặt trước cho một bộ hồ sơ tham gia đấu giá là: 1.085.400.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Tiền đặt trước được gửi vào một tài khoản thanh toán riêng của tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại; chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

b) Tổ chức đấu giá tài sản chỉ được thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá, trừ trường hợp tổ chức đấu giá tài sản và người tham gia đấu giá có thỏa thuận khác nhưng phải trước ngày mở cuộc đấu giá. Tổ chức đấu giá tài sản không được sử dụng tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vào bất kỳ mục đích nào khác.

4.2. Xử lý tiền đặt trước:

a) Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước và thanh toán tiền lãi (nếu có) trong trường hợp người tham gia đấu giá không trúng đấu giá trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá hoặc trong thời hạn khác do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b mục 4.2 Điều 1 quyết định này.

b) Các trường hợp không được hoàn trả tiền đặt trước bao gồm: Các trường hợp quy định khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản.

c) Trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc và nộp vào tài khoản của nhà nước để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Các hành vi bị nghiêm cấm: thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

6. Trình tự, thủ tục, hình thức và phương thức đấu giá:

6.1. Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, hợp đồng dịch vụ đấu giá: giao Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và ký hợp đồng dịch vụ đấu giá theo thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau cuộc đấu giá; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thực hiện.

6.2. Đấu giá: tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn có trách nhiệm thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan.

6.3. Hình thức, phương thức đấu giá:

a) Hình thức đấu giá là: Đấu giá trực tuyến.

b) Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

7. Hồ sơ đấu giá:

7.1. Hồ sơ mời tham gia đấu giá:

a) Căn cứ phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt, giao Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thực hiện.

b) Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản gồm các nội dung chính sau:

- Tên loại khoáng sản, địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá;
- Địa điểm, thời gian dự kiến tổ chức cuộc đấu giá;
- Thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản; điều kiện khai thác khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; phương thức tham khảo thông tin, tài liệu có liên quan, hiện trạng về cơ sở hạ tầng, sử dụng đất khu vực có khoáng sản được đưa ra đấu giá;
- Giá khởi điểm, tiền đặt trước;

- Khái toán về kinh phí giải phóng mặt bằng khu vực mỏ;
- Quy định về các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá: Gồm các nội dung quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này;
- Các biểu mẫu cần có trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá (đơn đề nghị tham gia đấu giá, những yêu cầu cơ bản về mặt kinh tế - kỹ thuật v.v...);

#### 7.2. Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản lập và nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (hộp lệ) trực tiếp tại văn phòng của tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

b) Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản gồm các nội dung sau:

- Bản chính Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (theo mẫu);
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản chính văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; tóm tắt kế hoạch sơ bộ về đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (theo mẫu);
- Bản chính văn bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá (theo mẫu);
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh đã nộp phí tham gia đấu giá;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ tài chính;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

#### 7.3. Hồ sơ đủ điều kiện tham đấu giá:

Hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá là hồ sơ có đủ thành phần quy định tại mục 7.2 Điều 1 và đáp ứng các điều kiện quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

#### 8. Phê duyệt kết quả đấu giá:

##### 8.1. Phê duyệt kết quả đấu giá:

a) Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh

sách người trúng đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

b) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ do tổ chức đấu giá tài sản bàn giao, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

c) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả trúng đấu giá, UBND tỉnh ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Trường hợp không phê duyệt phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do và các yêu cầu rà soát, bổ sung (nếu có).

d) Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá là căn cứ pháp lý để UBND tỉnh xem xét, cấp phép hoạt động khoáng sản cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

## 8.2. Giá trị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

a) Là tỷ lệ phần trăm trữ lượng khoáng sản nằm trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

8.3. Thời điểm xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

8.4. Phương thức thu, nộp tiền trúng đấu giá: Tiền trúng đấu giá được thu, nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

## 8.5. Thông báo kết quả trúng đấu giá:

a. Kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải được thông báo công khai tại trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; nội dung thông báo kết quả trúng đấu giá gồm:

- Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Tên loại khoáng sản; địa điểm khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Giá trị trúng đấu giá ( $R = \%$ ).

b. Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 (năm) ngày kể từ ngày UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

## 9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:

9.1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

- a) Được cấp văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

c) Được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

d) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có nghĩa vụ sau đây:

a) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

b) Nộp tiền trúng đấu giá và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

c) Không được chuyển nhượng kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản.

d) Cấm mốc giới khu vực mỏ, khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực mỏ được cấp phép, theo công suất, trữ lượng được cấp phép theo quy định của pháp luật; chỉ khai thác đúng theo mốc giới đã được cấm, được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

đ) Quá trình thực hiện khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, trường hợp các cơ quan chức năng có yêu cầu thực hiện việc hoàn trả kinh phí thăm dò (nếu có), đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá trên phải thực hiện hoàn trả theo quy định.

e) Sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản:

- Cấm mốc giới khu vực mỏ, khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực mỏ được cấp phép, theo công suất, trữ lượng được cấp phép theo quy định của pháp luật; chỉ khai thác đúng theo mốc giới đã được cấm, được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về kê khai, nộp thuế đúng, đủ sản lượng được cấp phép; kê khai giá, niêm yết, công khai giá bán (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tại mỏ theo quy định; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thị xã, thành phố, chủ đầu tư các dự án để cung cấp báo giá (giá bán tại mỏ) phục vụ việc lập dự án đầu tư theo quy định; không được từ chối, gây khó khăn trong việc cung cấp giá bán khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.

- Tuyệt đối không găm hàng, tích trữ, đầu cơ, nâng giá, ép giá, bán với giá cao hơn mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đã kê khai giá được niêm yết, công bố gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước và nhân dân; thực hiện việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ, đúng giá bán cho người dân, doanh nghiệp.



- Trước khi thực hiện khai thác khoáng sản phải hoàn thành việc lắp trạm cân, các thiết bị giám sát tại mỏ theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc báo cáo công suất, trữ lượng khai thác với cơ quan chức năng theo quy định; hàng ngày làm việc, thực hiện kết nối, truyền thông tin và cung cấp giá bán vật liệu với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, để công bố công khai trên Website do Sở Tài chính quản lý.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm việc kê khai giá bán không đúng thực tế, vi phạm các quy định trong hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển khoáng sản.

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

10. Phí và chi phí đấu giá:

10.1. Phí tham gia đấu giá là: 6.000.000 đồng/hồ sơ (*Bằng chữ: Sáu triệu đồng trên một bộ hồ sơ*).

10.2. Tổ chức, cá nhân nộp phí tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá tài sản khi mua hồ sơ đấu giá. Phí tham gia đấu giá không được hoàn trả.

10.3. Tổ chức đấu giá tài sản được sử dụng phí tham gia đấu giá do tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định.

10.4. Tổ chức đấu giá tài sản được thanh toán thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá theo quy định hiện hành của pháp luật.

11. Các nội dung khác liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân không quy định cụ thể tại phương án này thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về tính chính xác của số liệu tính toán, các nội dung tham mưu, đề xuất trong phương án đấu giá quyền

khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định này.

- Triển khai các công việc, hồ sơ thủ tục tiếp theo để đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời trong quá trình thực hiện nếu có quy định, văn bản mới được cấp có thẩm quyền ban hành liên quan đến việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, phải kịp thời tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thực hiện.

2. Các sở: Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Thành, huyện Thường Xuân; đồng thời, thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân, Chủ tịch UBND xã Tân Thành, huyện Thường Xuân và Thủ trưởng các ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Các PCVP UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, CN, KTTC.
- DGKS: 23-58

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**Phụ lục**  
**Quy định về các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá**  
**quyền khai thác khoáng sản**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

| <b>TT</b> | <b>Văn bản trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá</b>   | <b>Hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá</b>   |
|-----------|---|--|
| 1         | Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.  | Bản chính lập theo đúng mẫu số 01 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.   |
| 2         | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.   | Bản chính hoặc bản sao có chứng thực, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 51 Luật Khoáng sản năm 2010.  |
| 3         | Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong khai thác và chế biến khoáng sản; Kế hoạch sơ bộ về công nghệ khai thác, chế biến sâu và sử dụng khoáng sản. | Bản chính lập theo đúng Mẫu số 02 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.   |
| 4         | Bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá.  | Bản chính lập theo đúng mẫu số 03 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.   |
| 5         | Văn bản đã nộp phí tham gia đấu giá.  | Bản chính hoặc bản sao có chứng thực phiếu thu tiền bán hồ sơ mời đấu giá.   |
| 6         | Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ tài chính.  | Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan thuế xác nhận không còn nợ đọng ngân sách nhà nước.   |
| 7         | Chứng minh có vốn chủ sở hữu đủ điều kiện cấp phép thăm dò.   | Có văn bản theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, trong đó xác định vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng dự toán Đề án thăm dò. |